

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:03/2019/HNGĐ - PT
Ngày 30 tháng 01 năm 2019
V/v: Tranh chấp ly hôn, chia tài sản
chung của vợ chồng khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Tòng Thị Hiền

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Trung Thành, ông Cầm Văn Thanh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thu Trang – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La: Ông Phạm Quốc Đức- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30/01/2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sơn la, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/TLPT - DS ngày 07 tháng 01 năm 2019 về việc Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 179/2018/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện M S, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2019/QĐ - ST ngày 10 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lò Thị T – Địa chỉ: Tiểu khu 13, thị trấn HL, huyện M S, tỉnh Sơn La. Tạm trú: tiểu khu 10, thị trấn HL, huyện M S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Y – Địa chỉ: Tiểu khu 13, thị trấn HL, huyện M S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông HT, bà Hà Thị T1. Địa chỉ: Xóm 1, tiểu khu 16, thị trấn HL, huyện M S, tỉnh Sơn La. Ông T có mặt, bà T1 vắng mặt.

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Y, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông HT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lò Thị T trình bày:

Bà và ông Y tự nguyện kết hôn từ năm 1987, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Chiềng Chung, M S, Sơn La. Sau khi kết hôn hai vợ chồng ông bà chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 20 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Y hay uống rượu bia say về nhà, nhiều lần xúc phạm đến vợ con. Đến năm 2005, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra, tháng 7/2018, bà đã thuê nhà ra ở riêng. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng cũng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Bà xác định tình cảm không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Y.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung đều đã trưởng thành là chị Hà Mai D sinh năm 1989 và chị Hà Bích N sinh năm 1994.

Về tài sản chung gồm: 195m² đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Y từ năm 1992. Nguồn gốc đất là từ năm 1990 khi bà chuyển ra công tác tại trường phổ thông dân tộc nội trú huyện, chưa có nhà ở nên bà đã làm thủ tục xin và được UBND huyện M S cấp cho mảnh đất trên. Năm 1991, bố mẹ đẻ của ông Y đã làm cho một ngôi nhà hai gian. Năm 2011, ông bà đã xây một ngôi nhà cấp 4 mái bằng cùng các công trình phụ trên đất để ở từ tiền tích góp vợ chồng và sự giúp đỡ của bố mẹ hai bên. Nhà làm hết khoảng 90.000.000đ. Bà đề nghị được chia đôi nhà và đất.

Về nợ chung: Không có

Bị đơn ông Y trình bày:

Ông nhất trí với lời trình bày của bà T về thời gian kết hôn, con chung, về nợ chung. Ông xác định mâu thuẫn vợ chồng mới xảy ra gần đây khi bà T về nghỉ hưu thường không quan tâm đến gia đình. Ông không xúc phạm vợ con như bà T trình bày. Ông xác định tình cảm vợ vẫn còn, không đồng ý ly hôn với bà T.

Về tài sản chung: không đồng ý diện tích 195m² đất ở cùng tài sản trên đất là nhà xây cấp IV là tài sản chung của vợ chồng do nhà là của bố mẹ ông làm cho, đất cũng do ông HT làm thủ tục cấp đất cho ông, bà T không có hộ khẩu cùng ông nên bà T không có quyền lợi gì đối với phần đất này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông HT, bà Hà Thị Tiểu trình bày: Ông là bố đẻ của ông Y, khi ông Y và bà T kết hôn ông bà có làm nhà cho hai vợ chồng ra ở riêng. Đến năm 1990, bà T chuyển về công tác tại trường dân tộc nội trú huyện M S và đã được Nhà nước cấp cho hộ gia đình một mảnh đất gần trường. Năm 2001, khi ông về hưu có tích góp được một khoản tiền để làm được cho vợ chồng ông Tích bà Yêu ngôi nhà để ở như hiện nay. Khi cho vợ chồng Yêu, Tích vay để làm nhà, ông bà cũng không làm giấy tờ gì và yêu cầu vợ chồng chỉ được ở chứ không được bán. Chi phí làm nhà hoàn toàn do ông bỏ tiền ra nhưng ông không nhớ chính xác là bao nhiêu, khoảng trên dưới 100 triệu đồng. Ngay từ khi làm nhà cho hai vợ chồng T Y, ông xác định đầu tư cho các con ở, nếu muốn thì vợ chồng ông bà sẽ ra ở cùng. Nếu Tòa án giải quyết cho hai vợ chồng T Y ly hôn thì ông đề nghị phân chia rõ quyền sử dụng đất là của chung hai vợ chồng T Y. Nhưng đối với ngôi nhà hiện vợ chồng đang ở do ông bà đầu tư toàn bộ nên sẽ lấy lại. Ông không đồng ý vợ chồng T Y trả lại số tiền làm nhà mà yêu cầu vợ chồng phải trả lại cho ông ngôi nhà.

* Tại bản án số 179/2018/HNGĐ – ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện M S, tỉnh Sơn La đã quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

1. Về tình cảm: Xử cho bà Lò Thị T được ly hôn với ông Y

2. Về con chung: Ông Y, bà T có hai con chung là chị Hà Mai Dung sinh năm 1987 và chị Hà Thị Bích Ngân sinh năm 1994 đều đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung:

Giao cho bà Lò Thị T được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt: Quyền sử dụng 106,16m² đất (gồm cả đất sử dụng trong hành lang giao thông). Cụ thể các cạnh tiếp giáp như sau: Phía đông giáp đường bản Dôm có chiều dài 4,6m. Phía Nam giáp ông Nguyễn Ngọc Viên có chiều dài 22,8m. Phía Tây giáp ông Đỗ Văn Hiến có chiều dài 4,9m. Phía Bắc giáp phần đơn nguyên I (do ông Y được sử dụng) có chiều dài 22,8m. Và quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên phần đất được chia gồm 02 phòng ngủ, có diện tích 18,8m², sân sau đổ bê tông có diện tích 23,5m². Một phần sân bê tông phía trước nhà có diện tích 18,35m², một phần hàng rào cổng thép trong phần diện tích đất được sử dụng dài 4,6m. Tổng giá trị tài sản bà Lò Thị T được chia là 842.824.000đ.

Giao cho ông Y được quản lý, sử dụng, định đoạt đối với Đơn nguyên I gồm:

được quyền sử dụng 109,84m² đất (gồm cả phần diện tích đất sử dụng trong hành lang giao thông). Cụ thể các cạnh tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp hộ gia đình bà Phạm Thị Len, chiều dài 22,5m. Phía Đông giáp đường bản Dôm, dài 4,7m. Phía Nam giáp đơn nguyên II (bà Lò Thị T được sử dụng), chiều dài 22,8m phía Tây giáp ông Đỗ Văn Hiếu, rộng 4,7m. Và được quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên phần đất được chia gồm: 1 phòng khách, 1 gian cầu thang, 1 phòng ngủ, 1 phòng bếp và khu vệ sinh có diện tích 81,88m² và một phần sân bê tông phía trước nhà có diện tích 18,35m², một phần hàng rào cổng thép và toàn bộ cổng ra vào trong phần diện tích đất được sử dụng dài 4,7m (giáp đường bản Dôm). Tổng giá trị tài sản mà ông Y được chia là 924.176.000đ.

Ông Y và bà T mỗi người được sử dụng một nửa bức tường chung giữa hai đơn nguyên trong phần diện tích được chia. Phần ranh giới giữa đất và tài sản trên đất của bà T và ông Y được sử dụng là phần chính giữa bức tường chung của hai đơn nguyên nhà cấp 4 ông bà xây dựng kéo dài hết đất sử dụng. Phần diện tích đất ông Y, bà T được sử dụng là thửa số 106 tờ bản đồ số 4 (nay là tờ bản đồ 100- 25). Đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Y được UBND tỉnh Sơn La cấp ngày 27/7/1992, số vào sổ cấp số 51 theo quyết định số 312 – QĐ/UB, số Giấy chứng nhận 002653. Địa chỉ thửa đất Xóm 1, tiểu khu 13, thị trấn HL, huyện M S, tỉnh Sơn La.

4. Về nợ chung: Không có

5. Không chấp nhận yêu cầu của ông HT về việc buộc bà T và ông Y phải trả lại nhà cho ông.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/12/2018 bị đơn ông Y có đơn kháng cáo không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm về phần tình cảm do ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, không đồng ý ly hôn với bà T

Ngày 06/12/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông HT có đơn kháng cáo không nhất trí với bản án sơ thẩm về phần tài sản chung là ngôi nhà vợ chồng ông Tích, bà Yêu đang ở là do ông bỏ tiền ra xây dựng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến tranh luận của bị đơn: Giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo

Ý kiến tranh luận của nguyên đơn: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn,

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm

Ý kiến tranh luận của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Buộc vợ chồng T Y khi ly hôn phải trả số tiền tương ứng với giá trị ngôi nhà hiện nay là 700 triệu đồng.

Kiểm sát viên phát biểu về quá trình thực hiện tố tụng của Tòa án đúng quy định của pháp luật và đề nghị: Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm buộc ông T phải chịu án phí có giá ngạch đối với yêu cầu độc lập không được Tòa án chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định.

[1] Xét kháng cáo của bị đơn ông Y, Hội đồng xét xử thấy rằng: Về quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Y là tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung hoà thuận thời gian đầu, mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, đã được gia đình, chính quyền địa phương hòa giải nhưng không khắc phục được. Tại biên bản ghi lời khai ngày 12/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện M S, ông HT cũng xác nhận mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Y, bà T. Bà T hiện nay đã sống ly thân với ông Y. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Y cũng nhất trí đề nghị giải quyết cho ly hôn với bà T, cấp sơ thẩm xử cho ly hôn là có căn cứ nên không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Y.

[2] Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông HT. Về quyền sử dụng 195m² đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 002653 ngày 27/7/1992 tại Xóm 1, tiểu khu 13, thị trấn HL, huyện M S, tỉnh Sơn La mang tên ông Y được cấp trong thời kì hôn nhân nên quyền sử dụng diện tích đất trên thuộc tài sản chung của vợ chồng. Ông T cũng thừa nhận diện tích đất được cấp là tài sản chung của ông Y, bà T. Ý kiến của ông Y cho rằng bà T không có hộ khẩu cùng ông nên diện tích đất trên không phải là tài sản chung của vợ chồng là không có căn cứ chấp nhận.

Xét tài sản trên đất gồm 01 nhà xây cấp IV có diện tích 122,3m². Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông HT cho rằng phần tài sản trên đất có được là do ông bỏ tiền ra đầu tư xây dựng, số tiền khoảng 500 triệu đồng, nếu ông Y, bà T ly hôn ông đề nghị trả lại giá trị căn nhà hiện tại là 700 triệu đồng. Tuy nhiên, ngoài

lời khai của ông T thì ông cũng không xuất trình được căn cứ chứng minh nào khác. Ông Y cũng không cung cấp được các chứng cứ chứng minh tài sản trên đất là do ông T xây dựng. Bà T thừa nhận năm 1991, ông T đã xây dựng cho một căn nhà hai gian trên đất để ở. Đến năm 2011, bà và ông Y đã phá bỏ nhà cũ để xây dựng nhà như hiện tại. Nguồn gốc tiền để xây dựng nhà như hiện tại là do ông Y và bà T đi vay mượn và sự giúp đỡ của hai bên nội ngoại. Như vậy, xác định tài sản trên đất là tài sản chung của ông Y, bà T. Cấp sơ thẩm cũng đã tính đến phần công sức của ông T để chia cho ông Y phần tài sản nhiều hơn so với bà T trong khối tài sản chung là hợp lý, cần chấp nhận.

[3] Từ sự phân tích trên, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Y; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông HT, giữ nguyên bản sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện M S, tỉnh Sơn La.

[4] Về án phí: Lẽ ra, ông HT phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Tuy nhiên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông T được miễn án phí do là người cao tuổi nên cần sửa án sơ thẩm về án phí

Ông Y, ông HT không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do bản án sơ thẩm bị sửa.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí đối với bà T không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Y, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông HT, sửa bản án sơ thẩm số: 179/2018/HNGĐ-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện M S, tỉnh Sơn La như sau:

1. Xử cho bà Lò Thị T được ly hôn với ông Y

2. Về tài sản chung:

Giao cho bà Lò Thị T được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt: Quyền sử

dụng 106,16m² đất (gồm cả đất sử dụng trong hành lang giao thông). Cụ thể các cạnh tiếp giáp như sau: Phía đông giáp đường bản Dôm có chiều dài 4,6m. Phía Nam giáp ông Nguyễn Ngọc Viên có chiều dài 22,8m. Phía Tây giáp ông Đỗ Văn Hiên có chiều dài 4,9m. Phía Bắc giáp phần đơn nguyên I (do ông Y được sử dụng) có chiều dài 22,8m. Và quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên phần đất được chia gồm 02 phòng ngủ, có diện tích 18,8m², sân sau đổ bê tông có diện tích 23,5m². Một phần sân bê tông phía trước nhà có diện tích 18,35m², một phần hàng rào cổng thép trong phần diện tích đất được sử dụng dài 4,6m. Tổng giá trị tài sản bà Lò Thị T được chia là 842.824.000đ.

Giao cho ông Y được quản lý, sử dụng, định đoạt đối với Đơn nguyên I gồm: được quyền sử dụng 109,84m² đất (gồm cả phần diện tích đất sử dụng trong hành lang giao thông). Cụ thể các cạnh tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp hộ gia đình bà Phạm Thị Len, chiều dài 22,5m. Phía Đông giáp đường bản Dôm, dài 4,7m. Phía Nam giáp đơn nguyên II (bà Lò Thị T được sử dụng), chiều dài 22,8m phía Tây giáp ông Đỗ Văn Hiên, rộng 4,7m. Và được quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên phần đất được chia gồm: 1 phòng khách, 1 gian cầu thang, 1 phòng ngủ, 1 phòng bếp và khu vệ sinh có diện tích 81,88m² và một phần sân bê tông phía trước nhà có diện tích 18,35m², một phần hàng rào cổng thép và toàn bộ cổng ra vào trong phần diện tích đất được sử dụng dài 4,7m (giáp đường bản Dôm). Tổng giá trị tài sản mà ông Y được chia là 924.176.000đ.

Ông Y và bà T mỗi người được sử dụng một nửa bức tường chung giữa hai đơn nguyên trong phần diện tích được chia. Phần ranh giới giữa đất và tài sản trên đất của bà T và ông Y được sử dụng là phần chính giữa bức tường chung của hai đơn nguyên nhà cấp 4 ông bà xây dựng kéo dài hết đất sử dụng. Phần diện tích đất ông Y, bà T được sử dụng là thửa số 106 tờ bản đồ số 4 (nay là tờ bản đồ 100- 25). Đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Y được UBND tỉnh Sơn La cấp ngày 27/7/1992, số vào sổ cấp số 51 theo quyết định số 312 – QĐ/UB, số Giấy chứng nhận 002653. Địa chỉ thửa đất Xóm 1, tiểu khu 13, thị trấn HL, huyện M S, tỉnh Sơn La.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông HT về việc buộc bà T và ông Y phải trả lại giá trị nhà cho ông.

4. Về án phí: Ông Y không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và phải chịu 39.725.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số 0001817 ngày

06/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M S, tỉnh Sơn La. Ông Y còn phải nộp tiếp số tiền 39.425.000đ (Ba mươi chín triệu, bốn trăm hai mươi năm nghìn đồng).

Ông HT không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Hoàn trả ông HT số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số 0001825 ngày 12/12/2018 và 4.800.000đ (Bốn triệu tám trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001892 ngày 30/10/2018 tại Chi cục tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M S, tỉnh Sơn La.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (ngày 30/01/2019).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- TAND huyện M S, tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện M S, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Tòng Thị Hiền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tòng Thị Hiền

